

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ



----- *** -----

NGUYỄN PHAN MINH HIẾU

BẢN TÓM TẮT
ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ

TÊN ĐỀ ÁN:" Hoàn thiện quy trình tổ chức và quản lý sinh viên đi thực tập tại Nhật Bản ở Trường Đại học Đông Á "

Ngành: Quản trị Kinh doanh
Giảng viên hướng dẫn: TS Trương Trần Trâm Anh

Tháng 6, 2026

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Thực tập nghề nghiệp là thành phần quan trọng trong đào tạo đại học định hướng ứng dụng, giúp sinh viên củng cố kiến thức, phát triển kỹ năng và thích ứng môi trường làm việc thực tế. Đối với chương trình thực tập tại Nhật Bản, yêu cầu quản lý mang tính hệ thống, bao gồm toàn bộ chuỗi hoạt động từ truyền thông, tuyển chọn, đào tạo tiền xuất cảnh, hồ sơ pháp lý, tổ chức thực tập, theo dõi, hỗ trợ rủi ro đến đánh giá và cải tiến chương trình.

Trường Đại học Đông Á đã triển khai chương trình thực tập tại Nhật Bản với quy mô ngày càng mở rộng, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và hợp tác quốc tế. Tuy nhiên, công tác tổ chức và quản lý còn tồn tại hạn chế như: mức độ chuẩn hóa chưa cao, dữ liệu phân tán, phối hợp giữa các bên chưa đồng bộ và cơ chế quản trị rủi ro, cải tiến chưa mang tính hệ thống.

Vì vậy, đề tài ***“Hoàn thiện quy trình tổ chức và quản lý sinh viên đi thực tập tại Nhật Bản tại Trường Đại học Đông Á”*** được lựa chọn nhằm giải quyết một vấn đề quản trị cụ thể: làm thế nào để chuyển hoạt động thực tập tại Nhật Bản từ cách vận hành chủ yếu dựa vào kinh nghiệm và xử lý sự vụ sang mô hình quản trị theo quy trình, theo dữ liệu, theo trách nhiệm phối hợp và cải tiến liên tục. Đây là yêu cầu cần thiết để bảo vệ quyền lợi của sinh viên, nâng cao hiệu quả hợp tác

với đối tác Nhật Bản và củng cố uy tín của nhà trường trong đào tạo ứng dụng.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Đề án nhằm đề xuất giải pháp hoàn thiện quy trình tổ chức và quản lý sinh viên đi thực tập tại Nhật Bản tại Trường Đại học Đông Á.

Mục tiêu cụ thể gồm:

- (i) Hệ thống hóa cơ sở lý luận về thực tập quốc tế, quy trình tổ chức, quản lý sinh viên, quản trị rủi ro và cải tiến chương trình trong giáo dục đại học định hướng ứng dụng;
- (ii) Phân tích thực trạng quy trình tổ chức và quản lý sinh viên đi thực tập tại Nhật Bản tại Trường Đại học Đông Á trên cơ sở dữ liệu khảo sát bằng bảng hỏi và dữ liệu thứ cấp;
- (iii) Xác định điểm tích cực, hạn chế, nguyên nhân và vấn đề ưu tiên trong chương trình;
- (iv) Đề xuất hệ thống giải pháp hoàn thiện quy trình tổ chức và quản lý sinh viên đi thực tập tại Nhật Bản theo các trọng tâm

3. Câu hỏi và nhiệm vụ nghiên cứu

Đề án tập trung trả lời các câu hỏi nghiên cứu sau:

- Quy trình tổ chức và quản lý sinh viên đi thực tập quốc tế cần được cấu trúc theo những nội dung nào?
- Thực trạng quy trình tổ chức và quản lý sinh viên đi thực tập tại Nhật Bản tại Trường Đại học Đông Á hiện nay như thế nào?

- Những hạn chế và nguyên nhân của các hạn chế trong chương trình là gì?
- Cần đề xuất những giải pháp nào để hoàn thiện chương trình trong thời gian tới?

Để trả lời các câu hỏi trên, đề án thực hiện các nhiệm vụ:

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận và xây dựng khung phân tích;
- Khảo sát và phân tích thực trạng chương trình;
- Xác định các vấn đề ưu tiên cần cải thiện;
- Đề xuất hệ thống giải pháp phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là quy trình tổ chức và quản lý sinh viên đi thực tập tại Nhật Bản tại Trường Đại học Đông Á. Khách thể khảo sát gồm sinh viên, cựu sinh viên, cán bộ quản lý, giảng viên, doanh nghiệp và phụ huynh.

Phạm vi nghiên cứu tập trung vào:

- Công tác tổ chức: truyền thông, tuyển chọn, chuẩn bị trước xuất cảnh, triển khai thực tập và đánh giá sau thực tập;
- Công tác quản lý: quản lý hồ sơ và dữ liệu, quản lý học vụ, phối hợp giữa các bên, quản trị rủi ro và cải tiến chương trình.

Phạm vi thời gian nghiên cứu tập trung vào giai đoạn 2022–2026.

5. Phương pháp nghiên cứu

Đề án sử dụng phương pháp nghiên cứu ứng dụng nhằm giải quyết một vấn đề quản trị cụ thể của Trường Đại học Đông Á. Các phương pháp chính gồm:

- Phân tích và tổng hợp tài liệu;
- Khảo sát bằng bảng hỏi Likert 5 mức;
- Thống kê mô tả bằng Excel;
- Phân tích quy trình và suy luận quản trị.

Đối tượng khảo sát gồm sinh viên/cựu sinh viên, cán bộ quản lý, giảng viên/chuyên viên triển khai, doanh nghiệp Nhật Bản và phụ huynh sinh viên.

6. Ý nghĩa của đề án

Về khoa học, đề án góp phần hệ thống hóa cơ sở lý luận về quản lý chương trình thực tập quốc tế.

Về thực tiễn, kết quả nghiên cứu hỗ trợ Trường Đại học Đông Á hoàn thiện quy trình tổ chức, nâng cao hiệu quả quản lý và chất lượng chương trình thực tập tại Nhật Bản.

7. Kết cấu đề án

Đề án gồm ba chương: (1) Cơ sở lý thuyết và khung phân tích; (2) Phân tích thực trạng; (3) Đề xuất giải pháp hoàn thiện quy trình tổ chức và quản lý sinh viên đi thực tập tại Nhật Bản.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1.1. Cơ sở lý luận về quy trình tổ chức và quản lý sinh viên đi thực tập quốc tế

1.1.1. Một số khái niệm cơ bản

Thực tập nghề nghiệp là hình thức học tập trải nghiệm có cấu trúc, trong đó sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết vào môi trường làm việc thực tế nhằm phát triển năng lực nghề nghiệp. Theo NACE, thực tập là cầu nối giữa đào tạo trong nhà trường và yêu cầu thực tiễn của doanh nghiệp. Dưới góc nhìn học tập trải nghiệm của Kolb (1984), thực tập là quá trình chuyển hóa kinh nghiệm thành năng lực thông qua chu trình trải nghiệm – phản tư – khái quát hóa – thử nghiệm. Từ các tiếp cận này, thực tập nghề nghiệp được hiểu là hoạt động học tập có mục tiêu, có hướng dẫn, có đánh giá và gắn với chương trình đào tạo.

Thực tập quốc tế là một dạng mở rộng của thực tập nghề nghiệp trong bối cảnh xuyên quốc gia, gắn với chiến lược quốc tế hóa giáo dục đại học (Knight, 2003). Thực tập quốc tế không chỉ giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghề nghiệp mà còn nâng cao năng lực ngoại ngữ, thích ứng văn hóa và tư duy toàn cầu. Riêng thực tập tại Nhật Bản mang tính đặc thù cao do yêu cầu về ngôn ngữ, kỷ luật lao động, văn hóa doanh nghiệp và điều kiện pháp lý lưu trú.

Quy trình tổ chức thực tập được hiểu là chuỗi hoạt động có liên kết từ lập kế hoạch, tuyển chọn, chuẩn bị, triển khai

đến đánh giá và cải tiến. Theo ISO (2010), quy trình là sự chuyển hóa đầu vào thành đầu ra thông qua các hoạt động có kiểm soát.

Quản lý sinh viên đi thực tập quốc tế là quá trình lập kế hoạch, tổ chức, giám sát, hỗ trợ và kiểm soát nhằm đảm bảo sinh viên đạt mục tiêu học tập, tuân thủ quy định và an toàn trong môi trường nước ngoài.

1.1.2. Vai trò của thực tập quốc tế

Đối với sinh viên

Theo Di Pietro (2022) và Gault et al. (2000), thực tập quốc tế góp phần nâng cao khả năng có việc làm, năng lực nghề nghiệp, ngoại ngữ và khả năng thích nghi liên văn hóa. Đối với môi trường Nhật Bản, sinh viên còn được rèn luyện tính kỷ luật, đúng giờ và tác phong làm việc theo quy trình.

Đối với nhà trường

Knight (2003) cho rằng thực tập quốc tế là một công cụ cụ thể hóa chiến lược quốc tế hóa giáo dục đại học. Thông qua phản hồi từ doanh nghiệp và kết quả của sinh viên, nhà trường có cơ sở điều chỉnh chương trình đào tạo và nâng cao chất lượng đầu ra.

Đối với doanh nghiệp tiếp nhận

Feldman và Bolino (2000) cùng NACE (2025) cho rằng thực tập giúp doanh nghiệp tiếp cận nguồn nhân lực trẻ, đánh giá năng lực thực tế của người học và xây dựng nguồn tuyển dụng dài hạn với chi phí thấp hơn tuyển dụng truyền thống.

Đối với hoạt động hợp tác quốc tế của cơ sở giáo dục đại học

Thực tập quốc tế góp phần tăng cường hợp tác giữa cơ sở giáo dục với doanh nghiệp và đối tác nước ngoài, đồng thời mở rộng cơ hội liên kết đào tạo, học bổng, nghiên cứu và tuyển dụng quốc tế.

1.2. Nội dung quy trình tổ chức và quản lý sinh viên đi thực tập quốc tế

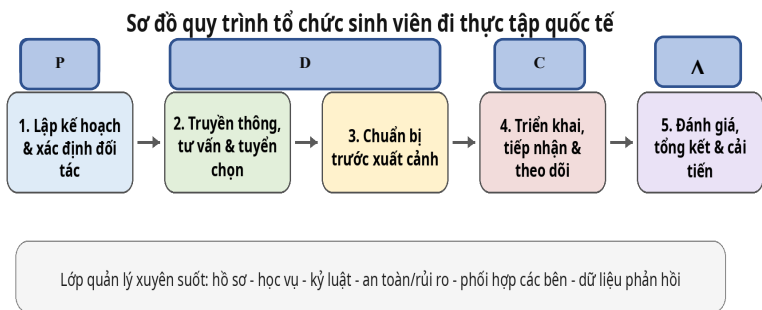
Đề án vận dụng cách tiếp cận quản trị theo quá trình kết hợp với chu trình cải tiến liên tục PDCA (Plan – Do – Check – Act) của Deming để xây dựng khung tổ chức và quản lý sinh viên đi thực tập tại Nhật Bản. Theo đó:

- Giai đoạn Plan bao gồm xác định nhu cầu, khảo sát đối tác, xây dựng kế hoạch và tiêu chí tuyển chọn;
- Giai đoạn Do bao gồm truyền thông, tuyển chọn, đào tạo trước xuất cảnh, hoàn thiện hồ sơ và triển khai thực tập;
- Giai đoạn Check tập trung theo dõi, đánh giá kết quả thực tập và phản hồi của doanh nghiệp;
- Giai đoạn Act bao gồm tổng kết, cập nhật dữ liệu và cải tiến quy trình cho các chu kỳ tiếp theo.

Theo đó, quy trình tổ chức sinh viên đi thực tập tại Nhật Bản được xem xét qua năm công đoạn: (1) lập kế hoạch và xác định đối tác; (2) truyền thông và tuyển chọn; (3) chuẩn bị trước khi xuất cảnh; (4) triển khai tiếp nhận và theo dõi; (5) đánh giá, tổng kết và cải tiến sau thực tập.

Song song với quy trình tổ chức, công tác quản lý được xem xét trên bốn nội dung trọng tâm gồm: quản lý hồ sơ, thông tin và dữ liệu; quản lý học vụ, kỷ luật và tác phong; quản lý rủi ro, an toàn và hỗ trợ khẩn cấp; quản lý phối hợp giữa nhà trường, doanh nghiệp, sinh viên và phụ huynh.

Sơ đồ 1.1. Quy trình tổ chức sinh viên đi thực tập quốc tế theo tiếp cận quá trình



Nguồn: Tác giả tổng hợp từ cơ sở lý luận về thực tập quốc tế và quản trị quy trình.

Bảng 1.1. Mô tả công việc, đầu ra & lưu ý quản lý theo giai đoạn của quy trình

Bước	Công việc trọng tâm	Sản phẩm đầu ra	Lưu ý quản lý
1. Lập kế hoạch và xác	- Xác định mục tiêu, chỉ tiêu, ngành nghề, thời lượng, tiêu chí đầu ra	- Kế hoạch tổ chức thực tập Nhật Bản. - Bộ tiêu chí tuyển chọn	- Bảo đảm tiêu chí lựa chọn rõ ràng, công khai và phù hợp chuẩn đầu ra đào tạo.

định đối tác	và nguồn lực bảo đảm. - Khảo sát doanh nghiệp/đối tác tiếp nhận ở nước ngoài.	SV và đối tác tiếp nhận. - Danh sách doanh nghiệp dự kiến hợp tác.	- Đối tác tiếp nhận cần có đầy đủ thông tin pháp lý, điều kiện làm việc và năng lực hỗ trợ SV. - Kiểm soát rủi ro về chất lượng doanh nghiệp tiếp nhận và tính phù hợp chuyên môn.
2. Truyền thông & tuyển chọn	- Xây dựng tiêu chí tuyển chọn công khai, có thể đo lường. - Tổ chức truyền thông, tư vấn, nhận hồ sơ, sơ tuyển, phỏng vấn và ra quyết định lựa chọn.	- Thông báo tuyển sinh/chương trình. - Hồ sơ ứng viên, biên bản tư vấn/phỏng vấn, danh sách trúng tuyển. - Dữ liệu đối tác, vị trí thực tập và chỉ tiêu tiếp nhận.	- Đảm bảo quá trình tuyển chọn minh bạch, khách quan và có minh chứng đầy đủ. - Kiểm soát nguy cơ tuyển chọn cảm tính hoặc thiếu căn cứ dữ liệu. - Lưu trữ đầy đủ hồ sơ phục vụ công tác kiểm tra, đối chiếu và giải trình.

3. Chuẩn bị trước khi xuất cảnh	- Bồi dưỡng ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Nhật sử dụng trong công việc. - Tập huấn văn hóa doanh nghiệp Nhật Bản, tác phong, giao tiếp liên văn hóa và kỹ năng thích nghi. - Hoàn thiện hồ chiếu, visa/tư cách lưu trú, hợp đồng, bảo hiểm, nơi ở và thông tin liên hệ khẩn cấp. - Tổ chức sinh hoạt định hướng với sinh viên và phụ huynh.	- Chứng nhận/biên bản hoàn thành tập huấn. - Checklist hồ sơ pháp lý và hồ sơ xuất cảnh. - Hợp đồng/cam kết giữa các bên. - Danh sách đầu mối liên hệ và quy trình hỗ trợ khẩn cấp. - Kế hoạch di chuyển, nơi ở và tiếp nhận ban đầu.	- Kiểm tra hồ sơ theo checklist trước ngày xuất cảnh. - Làm rõ quyền, nghĩa vụ, chi phí, bảo hiểm và quy định kỷ luật. - Dự phòng tình huống phát sinh về sức khỏe, pháp lý, tâm lý và văn hóa. - Bảo đảm sinh viên và phụ huynh hiểu đúng kênh liên hệ, cấp báo cáo và cơ chế hỗ trợ.
4. Triển	- Thiết lập đầu mối vận hành	- Nhật ký thực tập và	- Quy định rõ tần suất báo cáo,

khai trong thời gian thực tập	giữ nhà trường, đối tác, DN, SV và PH khi cần. - Bảo đảm bố trí vị trí thực tập, người hướng dẫn, lịch làm việc, nơi ở và điều kiện triển khai theo thỏa thuận. - Theo dõi nhật ký thực tập, báo cáo định kỳ, đánh giá giữa kỳ và phản hồi của DN. - Điều chỉnh nội dung tổ chức khi có thay đổi về lịch trình, vị trí, nơi ở hoặc điều kiện làm việc.	báo cáo định kỳ. - Biên bản trao đổi giữa các bên. - Phiếu đánh giá giữa kỳ/đánh giá của doanh nghiệp. - Hồ sơ xử lý tình huống phát sinh. - Dữ liệu cập nhật về vị trí thực tập, lịch làm việc, nơi ở và tình trạng sinh viên.	người nhận báo cáo và thời hạn phản hồi. - Kích hoạt cảnh báo sớm khi có dấu hiệu vi phạm, vắng mặt, khủng hoảng tâm lý hoặc rủi ro an toàn. - Mọi thay đổi cần được xác nhận và lưu hồ sơ. - Ưu tiên an toàn, quyền lợi và tính phù hợp chuyên môn của SV
5. Đánh giá, tổng	- Đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu học	- Báo cáo tổng kết thực tập.	- Đánh giá dựa trên nhiều nguồn dữ liệu, tránh chỉ dựa vào tự báo

kết và cải tiến sau thực tập	tập và mục tiêu nghề nghiệp. - Thu thập báo cáo tổng kết, nhật ký thực tập, phản tư của sinh viên và đánh giá của doanh nghiệp. - Công nhận kết quả thực tập theo quy định của nhà trường. - Tổng hợp phản hồi đa chiều, nhận diện hạn chế, nguyên nhân và đề xuất cải tiến.	- Phiếu đánh giá của DN - Biên bản công nhận kết quả thực tập. - Cơ sở dữ liệu cập nhật sau thực tập. - Báo cáo rút kinh nghiệm và kế hoạch cải tiến cho đợt sau.	cáo của sinh viên. - Phân biệt lỗi cá nhân, lỗi quy trình và lỗi phối hợp. - Chuyển kết quả đánh giá thành khuyến nghị cải tiến cụ thể. - Dùng dữ liệu sau thực tập làm đầu vào cho chu trình tiếp theo.
---	---	--	---

Bảng 1.2. Nội dung quản lý xuyên suốt quy trình thực tập quốc tế

Nội dung	Trọng tâm quản lý	Công cụ/biểu mẫu nên có	Rủi ro cần kiểm soát
---------------------	------------------------------	------------------------------------	---------------------------------

Quản lý hồ sơ, thông tin và dữ liệu	- Hồ sơ nhân thân, học vụ, ngoại ngữ, pháp lý, doanh nghiệp tiếp nhận, nơi ở, người hướng dẫn và liên hệ khẩn cấp.	- Hồ sơ sinh viên tập trung. - Checklist hồ sơ theo giai đoạn. - Bảng dữ liệu theo dõi cập nhật. - Quy định phân quyền truy cập.	- Thất lạc hồ sơ. - Dữ liệu không cập nhật. - Thiếu thông tin khi xử lý khẩn cấp. - Lộ lọt thông tin cá nhân.
Quản lý học vụ, kỷ luật và tác phong	- Theo dõi nhiệm vụ thực tập, thời lượng tham gia, báo cáo, chuẩn đầu ra, nội quy nhà trường và quy định doanh nghiệp.	- Nhật ký thực tập. - Mẫu báo cáo định kỳ. - Phiếu đánh giá doanh nghiệp. - Biên bản vi phạm/cảnh báo. - Quy định công nhận kết quả.	- Không đạt chuẩn đầu ra. - Vi phạm kỷ luật hoặc tác phong. - Không phù hợp với văn hóa làm việc Nhật Bản. - Báo cáo hình thức, thiếu minh chứng.
Quản lý rủi ro, an toàn và hỗ trợ	- Nhận diện, phân loại và xử lý rủi ro pháp lý, sức khỏe, tai nạn lao động, tâm	- Sổ tay an toàn. - Quy trình ứng phó khẩn cấp. - Danh sách đầu mối hỗ trợ.	- Xử lý chậm khi có sự cố. - Không rõ thẩm quyền can thiệp.

khẩn cấp	lý, giao tiếp - văn hóa và điều kiện cư trú/làm việc.	- Hồ sơ bảo hiểm. - Biên bản xử lý tình huống.	- Thiếu kênh hỗ trợ bằng ngôn ngữ phù hợp. - Không theo dõi sau can thiệp.
Quản lý phối hợp giữa các bên	- Phân định vai trò, trách nhiệm, đầu mối tiếp nhận, đầu mối xử lý, thời hạn phản hồi và cấp báo cáo giữa nhà trường, doanh nghiệp, đối tác, sinh viên và phụ huynh.	- Quy chế phối hợp. - Sơ đồ đầu mối liên hệ. - Lịch báo cáo định kỳ. - Biên bản làm việc. - Mẫu thông báo/cấp báo cáo.	- Thông tin đứt gãy giữa các bên. - Xử lý vượt thẩm quyền. - Phản hồi chậm. - Phụ huynh hoặc sinh viên không biết kênh liên hệ chính thức.

1.3. Cơ sở thực tiễn về tổ chức và quản lý thực tập tại Nhật Bản

Kinh nghiệm của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội cho thấy chương trình thực tập tại Nhật Bản được tổ chức theo hướng gắn thực tập với đào tạo tiếng Nhật, hỗ trợ đời sống và định hướng việc làm sau tốt nghiệp. Trong khi đó, mô hình thực tập dài hạn của HUFLIT nhấn mạnh vai trò của giám sát liên tục, hỗ trợ thích nghi và duy trì liên lạc giữa nhà trường,

đối tác và doanh nghiệp tiếp nhận. Các kinh nghiệm này cho thấy thực tập quốc tế hiệu quả cần được triển khai như một chuỗi hỗ trợ trước – trong – sau thực tập. Cho thấy xu hướng chung là:

- Gắn thực tập với chiến lược việc làm và đào tạo
- Chuẩn hóa quy trình tổ chức và tiêu chí tuyển chọn
- Tăng cường chuẩn bị trước khi xuất cảnh
- Thiết lập cơ chế phối hợp đa bên
- Áp dụng cải tiến liên tục dựa trên phản hồi

Các mô hình của MEXT, Kyushu University và Ritsumeikan University đều tiếp cận thực tập như một bộ phận của giáo dục nghề nghiệp và quốc tế hóa đào tạo. Các mô hình này nhấn mạnh vai trò của chuẩn hóa quy trình, tích hợp đào tạo tiếng Nhật – văn hóa doanh nghiệp – kỹ năng nghề nghiệp, kiểm soát chất lượng nơi thực tập và xây dựng tiêu chí đánh giá theo chuẩn đầu ra. Điều này cho thấy hoạt động thực tập quốc tế cần được tổ chức theo hệ thống quản trị có mục tiêu, có tiêu chí và có cơ chế phản hồi cải tiến liên tục.

Từ các kinh nghiệm trên, đề án xác định một số bài học vận dụng cho Trường Đại học Đông Á gồm: gắn thực tập với chiến lược quốc tế hóa và việc làm đầu ra; chuẩn hóa toàn bộ quy trình tổ chức và quản lý; tăng cường đào tạo tiền xuất cảnh; xây dựng cơ chế phối hợp bốn bên giữa nhà trường – doanh nghiệp – sinh viên – phụ huynh; và sử dụng phản hồi sau thực tập làm dữ liệu cải tiến chương trình theo chu trình PDCA.

1.3.2. Đặc thù môi trường thực tập tại Nhật Bản

Sinh viên thực tập tại Nhật Bản phải đáp ứng yêu cầu cao về:

- Ngôn ngữ chuyên ngành và giao tiếp công việc
- Tác phong, kỷ luật và văn hóa doanh nghiệp
- Tuân thủ pháp lý về visa, hợp đồng và lao động
- Khả năng thích nghi với môi trường làm việc tập thể và quy trình chặt chẽ

Đây là các yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả thực tập và mức độ thành công của chương trình.

1.4. Khung phân tích của đề án

Đề án vận dụng mô hình hiệu quả thực tập của Narayanan, Olk và Fukami (2010) theo hướng tiếp cận đa giai đoạn; kết hợp cách tiếp cận quản trị theo quy trình của ISO cho hợp phần tổ chức và cách tiếp cận quản lý theo chức năng của Daft cho hợp phần quản lý. Đồng thời, nghiên cứu tích hợp góc nhìn quản trị rủi ro của Odlin và cộng sự (2022) nhằm phù hợp với môi trường thực tập quốc tế có nhiều yếu tố pháp lý, văn hóa và an toàn cần kiểm soát. Bên cạnh đó, ISO 21001 nhấn mạnh yêu cầu lấy người học và các bên liên quan làm trung tâm, đồng thời thúc đẩy cải tiến liên tục trong tổ chức giáo dục; đây là cơ sở quan trọng để đề án thiết kế các giải pháp hoàn thiện quy trình tổ chức và quản lý sinh viên đi thực tập tại Nhật Bản ở Trường Đại học Đông Á.

Bảng 1.1. Khung phân tích áp dụng cho đánh giá quy trình tổ chức và quản lý sinh viên đi thực tập tại Nhật Bản ở Trường Đại học Đông Á

Hợp phần	Nội dung cốt lõi	Chỉ báo/tiêu chí chính	Nguồn dữ liệu gợi ý
Đầu vào	Mức sẵn sàng của sinh viên; nguồn lực và cơ chế của nhà trường; chất lượng đối tác; bối cảnh pháp lý	Tiếng Nhật, học lực, sức khỏe, động cơ; mức hoàn thiện quy định; ổn định của đối tác	Hồ sơ sinh viên; văn bản nội bộ; hồ sơ đối tác; văn bản pháp lý
Quá trình - Tổ chức	Kế hoạch và tuyển chọn; chuẩn bị trước xuất cảnh; tổ chức triển khai chương trình; đánh giá, tổng kết và cải tiến sau thực tập	Tính đầy đủ, rõ ràng, khả năng vận hành, tính kịp thời, tính tuân thủ, khả năng cải tiến	Quy trình; biểu mẫu; báo cáo; khảo sát cán bộ và dữ liệu nội bộ
Quá trình - Quản lý	Quản lý hồ sơ, thông tin và dữ liệu; quản lý học vụ, kỷ luật và tác phong; quản lý rủi ro, an toàn và hỗ trợ khẩn cấp; quản lý phối hợp bốn bên	Độ cập nhật dữ liệu; mức độ tuân thủ; khả năng phát hiện và xử lý rủi ro; mức độ thông suốt trong phối hợp; mức độ hài lòng của các bên	Nhật ký theo dõi; hồ sơ sự cố; khảo sát sinh viên; ý kiến đối tác

Đầu ra và phản hồi	Mức hoàn thành thực tập; kết quả học tập - kỹ năng; hài lòng; khả năng duy trì và mở rộng chương trình	Tỷ lệ hoàn thành; phản hồi tích cực; tỷ lệ quay lại làm việc; số cải tiến sau mỗi chu kỳ	Báo cáo tổng kết; khảo sát; dữ liệu việc làm; biên bản rà soát quy trình
--------------------	--	--	--

Tiêu chí đánh giá

- Tính đầy đủ và khả thi của quy trình
- Mức độ tuân thủ và phối hợp
- Hiệu quả quản lý rủi ro
- Chất lượng đầu ra và phản hồi

Công cụ hỗ trợ

- Chu trình PDCA (cải tiến liên tục)
- Ma trận RACI (phân công trách nhiệm rõ ràng)

TIÊU KẾT CHƯƠNG 1

Chương 1 hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về tổ chức và quản lý sinh viên đi thực tập quốc tế. Trên cơ sở đó, đề án xác lập khung phân tích theo mô hình đầu vào – quá trình – đầu ra, trong đó quá trình gồm hai hợp phần chính là tổ chức và quản lý.

Khung lý thuyết này là nền tảng để phân tích thực trạng tại Chương 2 và đề xuất giải pháp tại Chương 3, đảm bảo tính logic, tính hệ thống và tính ứng dụng của đề án.

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG QUY TRÌNH TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ SINH VIÊN ĐI THỰC TẬP TẠI NHẬT BẢN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG Á

2.1. Khái quát về Nhà trường và chương trình thực tập tại Nhật Bản

Trường Đại học Đông Á được hình thành và phát triển qua nhiều giai đoạn từ cơ sở đào tạo trung cấp đến đại học đa ngành theo định hướng ứng dụng và hội nhập quốc tế. Nhà trường hiện vận hành theo mô hình đa cấp quản lý với các đơn vị chức năng, khoa đào tạo và trung tâm hỗ trợ, trong đó Phòng Đối ngoại và Hợp tác Doanh nghiệp đóng vai trò đầu mối triển khai các hoạt động quốc tế.

Trong chiến lược quốc tế hóa, Nhật Bản được xác định là thị trường hợp tác trọng điểm. Chương trình thực tập tại Nhật Bản được triển khai từ năm 2015 và mở rộng mạnh từ năm 2018, tập trung vào các lĩnh vực điều dưỡng, khách sạn, thực phẩm, kỹ thuật và ngôn ngữ. Nội dung chương trình bao gồm thực tập hưởng lương, việc làm sau tốt nghiệp, trao đổi sinh viên và du học liên kết.

Đến năm 2025, chương trình đã thu hút hơn 1.000 sinh viên tham gia, trong đó riêng năm 2025 có 192 sinh viên sang Nhật Bản thực tập, phản ánh quy mô ngày càng mở rộng và vai trò quan trọng của chương trình trong hoạt động đào tạo gắn với quốc tế hóa của Nhà trường.

2.2. Dữ liệu khảo sát và cơ sở phân tích thực trạng

Nghiên cứu sử dụng 220 phiếu khảo sát từ nhiều nhóm đối tượng gồm sinh viên, cán bộ quản lý, giảng viên, đối tác Nhật Bản và phụ huynh, trong đó sinh viên chiếm tỷ trọng lớn nhất nhằm phản ánh trải nghiệm trực tiếp của người học.

Các tiêu chí khảo sát được thiết kế theo toàn bộ chu trình thực tập quốc tế, bao gồm: *truyền thông, tuyển chọn, đào tạo trước xuất cảnh, thủ tục hồ sơ, triển khai tại Nhật Bản, theo dõi hỗ trợ, phối hợp các bên, quản lý dữ liệu, quản trị rủi ro và đánh giá sau thực tập.*

Kết quả khảo sát cho thấy mức độ hài lòng chung đạt **3,74/5**, phản ánh chương trình đang vận hành tương đối hiệu quả ở cấp độ triển khai thực tế.

Nhóm khâu có kết quả tốt

- Hồ sơ – visa – thủ tục xuất cảnh: **3,64**
- Tổ chức triển khai và tiếp nhận tại Nhật Bản: **3,63**
- Truyền thông và tư vấn: **3,49**
- Tuyển chọn sinh viên: **3,43**

→ Các khâu này cho thấy Nhà trường có kinh nghiệm vận hành tốt, đặc biệt trong xử lý thủ tục và hợp tác quốc tế.

Nhóm khâu trung bình

- Đào tạo trước xuất cảnh: 3,21
- Theo dõi và hỗ trợ sinh viên: 3,18
- Cơ chế phối hợp: 3,12

→ Các khâu này cho thấy sự thiếu đồng bộ trong tổ chức và chưa hình thành hệ thống quản lý xuyên suốt.

Nhóm khâu yếu

- Đánh giá sau thực tập: 2,94
- Quản lý dữ liệu: 2,83
- Quản trị rủi ro: 2,77

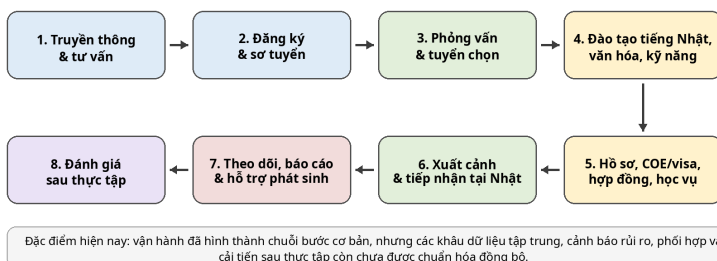
→ Đây là các điểm yếu mang tính hệ thống, ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng quản lý dài hạn và cải tiến chương trình.

2.3. Thực trạng quy trình tổ chức và quản lý sinh viên

Trên cơ sở hồ sơ chương trình, mô tả của các đơn vị triển khai và kết quả khảo sát, quy trình vận hành hiện nay của chương trình thực tập tại Nhật Bản có thể khái quát thành tám bước chính như sau:

Sơ đồ 2.2. Quy trình vận hành hiện nay của chương trình thực tập Nhật Bản tại Trường Đại học Đông Á

Quy trình vận hành hiện nay của chương trình thực tập tại Nhật Bản



Nguồn: Tác giả tổng hợp từ hồ sơ chương trình và kết quả khảo sát, 2026.

Quy trình thực hiện chương trình hiện nay có thể khái quát theo chuỗi hoạt động từ truyền thông, tư vấn, tuyển chọn, đào tạo trước xuất cảnh, xử lý hồ sơ – visa, triển khai tại Nhật Bản, theo dõi trong quá trình thực tập đến đánh giá sau thực tập.

Quy trình này đảm bảo đầy đủ các bước vận hành cơ bản, tuy nhiên chưa được thiết kế như một hệ thống quản trị tích hợp có dữ liệu xuyên suốt và cơ chế kiểm soát rủi ro đồng bộ.

Trong giai đoạn đầu vào, hoạt động truyền thông và tư vấn chương trình đạt mức khá (3,49), tuy nhiên còn tồn tại tình trạng thông tin chưa thống nhất giữa các kênh, dẫn đến mức độ hiểu biết của người học chưa đồng đều. Công tác tuyển chọn đạt 3,43, phản ánh quy trình đã hình thành nhưng chưa có bộ tiêu chí lượng hóa mức độ sẵn sàng một cách thống nhất, khiến việc đánh giá còn phụ thuộc nhiều vào kinh nghiệm cá nhân của cán bộ phụ trách.

Hoạt động đào tạo trước xuất cảnh là một trong những điểm yếu rõ rệt của quy trình (3,21). Nội dung đào tạo hiện chủ yếu tập trung vào ngoại ngữ và thủ tục hành chính, trong khi các năng lực thích nghi, kỹ năng xử lý tình huống, hiểu biết văn hóa doanh nghiệp và an toàn lao động chưa được triển khai đầy đủ. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng hòa nhập của sinh viên trong giai đoạn đầu tại Nhật Bản.

Ở giai đoạn triển khai, các thủ tục hồ sơ, visa và tiếp nhận tại Nhật Bản được đánh giá tương đối tích cực (3,63–3,64), cho thấy nhà trường có kinh nghiệm tốt trong xử lý hành chính và phối hợp với đối tác. Tuy nhiên, hiệu quả của giai đoạn này chủ yếu mang tính thủ tục, chưa gắn chặt với hệ thống theo dõi và đánh giá liên tục trong quá trình thực tập.

2.4. Thực trạng công tác quản lý sinh viên trong thời gian thực tập

Công tác theo dõi và hỗ trợ sinh viên trong thời gian thực tập chỉ đạt 3,18, phản ánh sự thiếu ổn định trong cơ chế giám sát định kỳ và hỗ trợ chủ động. Việc liên lạc giữa nhà trường và sinh viên chủ yếu mang tính phản ứng, chưa hình thành hệ thống cảnh báo sớm và theo dõi theo chu kỳ.

Cơ chế phối hợp giữa nhà trường, sinh viên, gia đình và đối tác đạt 3,12, cho thấy sự tham gia của nhiều bên nhưng thiếu một đầu mối điều phối thống nhất và chưa xác định rõ trách nhiệm từng bên trong từng giai đoạn. Điều này làm giảm hiệu quả phối hợp khi xảy ra tình huống phát sinh.

Quản lý dữ liệu và công cụ số là một trong những điểm yếu lớn nhất (2,83), phản ánh tình trạng dữ liệu phân tán, thiếu hệ thống quản lý tập trung theo vòng đời sinh viên. Điều này hạn chế khả năng theo dõi tổng thể, tổng hợp báo cáo và ra quyết định dựa trên dữ liệu.

Quản trị rủi ro và hỗ trợ khẩn cấp đạt mức thấp nhất (2,77), cho thấy chương trình chưa có hệ thống cảnh báo sớm, chưa phân loại rõ mức độ sự cố và chưa có quy trình phản ứng chuẩn hóa. Đây là khoảng trống quản trị quan trọng trong bối cảnh chương trình triển khai ở nước ngoài.

Hoạt động đánh giá sau thực tập (2,94) chưa được khai thác như một công cụ cải tiến liên tục, mà mới dừng ở mức thu thập phản hồi, chưa chuyển hóa thành điều chỉnh quy trình một cách có hệ thống.

2.5. Đánh giá chung

Kết quả phân tích cho thấy chương trình thực tập tại Nhật Bản của Trường Đại học Đông Á đã hình thành được một hệ thống vận hành tương đối đầy đủ và có hiệu quả ở các khâu hành chính, hồ sơ và triển khai đối tác. Đây là nền tảng quan trọng giúp chương trình duy trì quy mô và mở rộng hợp tác quốc tế. Tuy nhiên, hệ thống quản trị tổng thể còn tồn tại nhiều hạn chế mang tính cấu trúc, đặc biệt ở ba khía cạnh:

- Thiếu hệ thống dữ liệu tập trung,
- Thiếu cơ chế quản trị rủi ro,
- Thiếu chuẩn hóa trong tuyển chọn và đào tạo đầu vào
- Thiếu vòng phản hồi cải tiến liên tục.

Bên cạnh đó, công tác đào tạo trước xuất cảnh và theo dõi sinh viên trong quá trình thực tập chưa tương xứng với quy mô chương trình.

Nhìn chung, chương trình đang vận hành tốt ở cấp độ thực thi nhưng chưa đạt mức tối ưu ở cấp độ quản trị hệ thống. Đây là cơ sở quan trọng để Chương 3 tập trung đề xuất các giải pháp theo hướng chuẩn hóa quy trình, số hóa dữ liệu, tăng cường quản trị rủi ro và thiết lập cơ chế cải tiến liên tục nhằm nâng cao tính bền vững của chương trình.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUY TRÌNH TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ SINH VIÊN ĐI THỰC TẬP NHẬT BẢN

3.1. Căn cứ và nguyên tắc đề xuất giải pháp

3.1.1. Căn cứ đề xuất giải pháp

Giải pháp được xây dựng dựa trên tiếp cận học tập gắn với công việc, quản trị quy trình, quản trị chất lượng và PDCA... Căn cứ thực tiễn cho thấy nhiều hạn chế như quy trình chưa chuẩn hóa, dữ liệu phân tán, quản trị rủi ro chưa hoàn chỉnh... Nguồn lực hiện có của nhà trường gồm Phòng ĐN&HTDN, các khoa, phòng ban chức năng và mạng lưới đối tác Nhật Bản.

3.1.2. Nguyên tắc đề xuất giải pháp

Các giải pháp tuân thủ 5 nguyên tắc: hệ thống, thực tiễn, khả thi, đo lường được và cải tiến liên tục.

Vấn đề	Giải pháp	Mục tiêu	Đầu mối
Quy trình chưa chuẩn hóa	Ban hành quy trình PDCA	Chuẩn hóa toàn chuỗi	BGH, ĐN&HTDN
Dữ liệu phân tán	Xây dựng hệ thống dữ liệu	Tập trung hóa quản lý	ĐN&HTDN, CNTT
Rủi ro chưa quản lý	Thiết lập risk register	Giảm rủi ro	BGH, ĐN&HTDN
Đánh giá sau thực tập yếu	Chu trình cải tiến PDCA	Cải tiến liên tục	Khoa, ĐN&HTDN

3.2. Hệ thống giải pháp hoàn thiện quy trình tổ chức và quản lý

3.2.1. Nhóm giải pháp chuẩn hóa quy trình tổ chức

- Ban hành quy trình cấp trường theo chu trình PDCA.

Quy trình cần bao quát toàn bộ các giai đoạn từ lập kế hoạch, tuyển chọn, đào tạo, xuất cảnh, theo dõi, hỗ trợ đến đánh giá sau thực tập. Mỗi công đoạn phải xác định rõ đầu vào, đầu ra, đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp, thời hạn xử lý và minh chứng quản lý.

- Chuẩn hóa truyền thông, tuyển chọn và đánh giá mức sẵn sàng của sinh viên

Đề án đồng thời đề xuất chuẩn hóa hoạt động truyền thông, tuyển chọn và đánh giá mức sẵn sàng của sinh viên. Nhà trường cần xây dựng bộ thông tin chương trình thống nhất, cập nhật cảm nang thực tập Nhật Bản và sử dụng bộ tiêu chí readiness để đánh giá toàn diện sinh viên trước khi xuất cảnh. Các tiêu chí đánh giá gồm học vụ, ngoại ngữ, chuyên môn, sức khỏe, thái độ – kỷ luật và khả năng thích nghi.

- Thiết kế chương trình tiền xuất cảnh theo mô-đun

Bên cạnh đó, chương trình tiền xuất cảnh cần được thiết kế theo mô-đun bắt buộc và mô-đun theo ngành. Nội dung đào tạo không chỉ tập trung vào ngoại ngữ mà còn bao gồm văn hóa doanh nghiệp Nhật Bản, kỹ năng thích nghi, an toàn lao động, pháp lý, quản lý tài chính cá nhân và xử lý tình huống thực tế. Kết quả hoàn thành mô-đun cần được lưu vào hồ sơ số của sinh viên để phục vụ quản lý và đánh giá mức sẵn sàng.

- Chuẩn hóa tuyển chọn và đánh giá mức sẵn sàng của sinh viên

Tuyển chọn sinh viên cần chuyển từ đánh giá chủ yếu qua hồ sơ và phỏng vấn sang đánh giá mức sẵn sàng tổng hợp. Mức sẵn sàng bao gồm sáu nhóm tiêu chí: học vụ, ngoại ngữ,

chuyên môn, sức khỏe, thái độ - kỷ luật và khả năng thích nghi. Mỗi nhóm tiêu chí cần có thang điểm, minh chứng và ngưỡng tối thiểu.

Bảng 3.2.1 Bộ tiêu chí đánh giá mức sẵn sàng của sinh viên

Nhóm tiêu chí	Gợi ý	Minh chứng	Mức xử lý khi chưa đạt
Học vụ	Điểm trung bình, số tín chỉ còn nợ, điều kiện bảo lưu, tiến độ tốt nghiệp	Bảng điểm, xác nhận khoa, kế hoạch học tập	Tư vấn học vụ; chưa xuất cảnh nếu rủi ro tốt nghiệp cao
Ngoại ngữ	JLPT/chứng chỉ tương đương, bài kiểm tra giao tiếp công việc, khả năng báo cáo	Chứng chỉ, bài kiểm tra nội bộ, nhận xét giảng viên	Bổ sung mô-đun tiếng Nhật công việc
Chuyên môn	Kiến thức nền phù hợp vị trí, kỹ năng nghề cơ bản, hiểu quy trình công việc	Kết quả học phần, bài kiểm tra chuyên môn, phỏng vấn khoa	Học mô-đun chuyên môn ngắn hạn trước xuất cảnh
Sức khỏe	Tình trạng sức khỏe thể chất, sức khỏe tinh thần,	Giấy khám sức khỏe, cam kết, tư vấn khi cần	Tạm hoãn hoặc đổi vị trí nếu không phù hợp

Nhóm tiêu chí	Gợi ý	Minh chứng	Mức xử lý khi chưa đạt
	khả năng làm việc theo ca		
Thái độ - kỷ luật	Đúng giờ, tuân thủ, trách nhiệm, không vi phạm kỷ luật	Nhận xét khoa, điểm rèn luyện, phỏng vấn tình huống	Cảnh báo, cam kết bổ sung, loại nếu nguy cơ cao
Khả năng thích nghi	Động cơ tham gia, kỹ năng tự quản, quản lý tài chính, xử lý xung đột	Phiếu tự đánh giá, phỏng vấn, xác nhận phụ huynh	Tư vấn cá nhân và mô-đun kỹ năng thích nghi

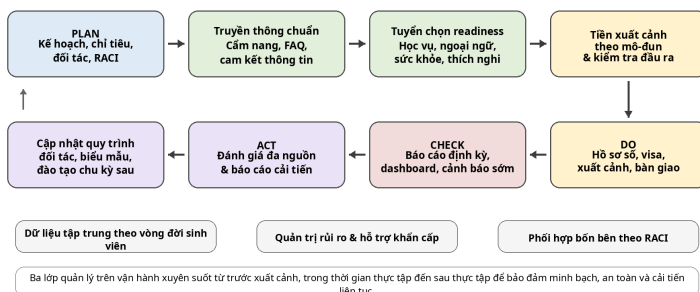
Nguồn: Tác giả đề xuất

3.2.2. Nhóm giải pháp hoàn thiện công tác quản lý

Các giải pháp số hóa dữ liệu và tăng cường quản trị chương trình cần được vận hành như một quy trình tích hợp, trong đó dữ liệu, quản trị rủi ro và phối hợp trách nhiệm là ba lớp quản lý xuyên suốt. Mô hình hoàn thiện được đề xuất như sau:

Sơ đồ 3.1. Quy trình hoàn thiện tích hợp giải pháp quản lý sinh viên thực tập tại Nhật Bản theo PDCA

Quy trình hoàn thiện tích hợp giải pháp quản lý theo PDCA



Nguồn: Tác giả đề xuất.

Đề án đề xuất xây dựng hệ thống dữ liệu tập trung ***theo vòng đời sinh viên*** thực tập nhằm khắc phục tình trạng dữ liệu phân tán hiện nay. Hệ thống cần quản lý toàn bộ thông tin liên quan đến tuyển chọn, đào tạo, hồ sơ pháp lý, xuất cảnh, báo cáo định kỳ, phản hồi doanh nghiệp, sự cố phát sinh và kết quả sau thực tập. Mỗi sinh viên được quản lý bằng một mã hồ sơ thống nhất và dữ liệu được cập nhật theo phân quyền giữa các đơn vị liên quan.

Song song với số hóa dữ liệu, đề án nhấn mạnh việc ***thiết lập cơ chế quản trị rủi ro và hỗ trợ khẩn cấp***. Nhà trường cần xây dựng danh mục rủi ro, hệ thống cảnh báo sớm, phân cấp mức độ sự cố và quy trình phản hồi theo từng cấp độ. Đồng thời, cần có nhật ký sự cố và cơ chế phối hợp với doanh nghiệp, phụ huynh và cơ sở y tế nhằm bảo đảm an toàn và quyền lợi của sinh viên trong thời gian thực tập tại Nhật Bản.

Đối với quản lý đối tác, đề án đề xuất ***xây dựng bộ tiêu chí đánh giá doanh nghiệp*** Nhật Bản theo các nội dung như điều kiện tiếp nhận, mức độ phù hợp chuyên môn, an toàn, nơi ở,

cơ chế phản hồi và mức độ hỗ trợ sinh viên. Kết quả đánh giá đối tác cần được sử dụng để quyết định duy trì, mở rộng hoặc điều chỉnh hợp tác trong các chu kỳ tiếp theo.

Ngoài ra, đề án đề xuất ***hoàn thiện cơ chế đánh giá sau thực tập theo hướng đa nguồn*** gồm phản hồi từ sinh viên, doanh nghiệp, khoa chuyên môn và đơn vị quản lý. Kết quả đánh giá phải được tổng hợp thành báo cáo cải tiến nhằm cập nhật quy trình, điều chỉnh nội dung đào tạo tiền xuất cảnh và nâng cao chất lượng chương trình ở các đợt triển khai tiếp theo.

3.2.3. Hoàn thiện cơ chế phối hợp bốn bên

Đề án đề xuất xây dựng mô hình phối hợp bốn bên gồm nhà trường – doanh nghiệp/đối tác Nhật Bản – sinh viên – gia đình trên cơ sở ma trận trách nhiệm RACI. Trong đó, nhà trường giữ vai trò điều phối và kiểm soát chất lượng; doanh nghiệp chịu trách nhiệm bố trí công việc và hướng dẫn; sinh viên chịu trách nhiệm tuân thủ quy định và báo cáo; phụ huynh phối hợp hỗ trợ khi phát sinh tình huống cần can thiệp. Việc xác định rõ trách nhiệm của từng chủ thể sẽ giúp giảm chồng chéo, nâng cao khả năng phản hồi và xử lý sự cố trong quá trình triển khai chương trình.

Bảng 3.2.2 Ma trận trách nhiệm phối hợp bốn bên

Công việc	Chủ trì	Phối hợp	Tham vấn	Được Thông tin
Lập kế hoạch/chỉ tiêu	P.ĐN&H TDN	BGH, khoa	Đối tác	Sinh viên

Tiêu chí tuyển chọn	Khoa + P.ĐN&H TDN, , đối tác	Đơn vị ngoại ngữ, đối tác	BGH	Sinh viên
Đào tạo tiên xuất cảnh	Khoa/đơn vị ngoại ngữ, Đối tác	P.ĐN&H TDN, cựu sinh viên	Đối tác	Sinh viên, phụ huynh
Hồ sơ COE/ visa/hợp đồng	P.ĐN&H TDN, Đối tác	Sinh viên, đối tác, P.QLĐT &CTSV	Pháp chế/thanh tra nội bộ nếu cần	Phụ huynh
Học vụ/bảo lưu/công nhận kết quả	Khoa + P.QLĐT &CTSV	P.ĐN&H TDN	BGH khi vượt thẩm quyền	Sinh viên
Sự cố công việc/nơi ở	P.ĐN&H TDN	Đối tác Nhật Bản	Khoa, phụ huynh	Sinh viên
Sự cố sức khỏe/an toàn	P.ĐN&H TDN	Đối tác, phụ huynh, Bệnh viện	BGH	Khoa

Đánh giá sau thực tập	Khoa	P.ĐN&H TDN, DN	P.QLĐT& CTSV	Sinh viên
Cải tiến quy trình	P.ĐN&H TDN	Khoa, phòng, đối tác	BGH	Sinh viên, phụ huynh

Nguồn: Tác giả đề xuất

Bảng 3.2.3 Bảng chỉ tiêu đánh giá kết quả triển khai hệ thống giải pháp

Nội dung	Hiện trạng	Mục tiêu đến năm 2028
Quy trình cấp trường được ban hành	Chưa có	100%
Hồ sơ sinh viên được số hóa	Phân tán	100%
SV hoàn thành đào tạo tiền xuất cảnh	Chưa quy định	$\geq 95\%$
Báo cáo định kỳ đúng hạn	Khoảng 70-80%	$\geq 95\%$
Sự cố được phản hồi đúng thời hạn	Chưa thống kê	$\geq 90\%$
Đối tác được đánh giá định kỳ	Chưa đồng bộ	100%
Sinh viên hài lòng với chương trình	Mức trung bình	$\geq 4,0/5$

Báo cáo cải tiến hằng năm	Chưa thực hiện thường xuyên	100%
---------------------------	-----------------------------	------

3.3. Điều kiện thực hiện và kiến nghị

Để triển khai các giải pháp hiệu quả, đề án xác định năm điều kiện thực hiện gồm: sự chỉ đạo thống nhất của Ban Giám hiệu; nguồn lực nhân sự chuyên trách; hạ tầng dữ liệu phù hợp; sự phối hợp chặt chẽ của đối tác Nhật Bản; và sự chủ động của sinh viên cùng gia đình.

Việc duy trì hoạt động đánh giá định kỳ và cải tiến liên tục theo chu trình PDCA sẽ góp phần bảo đảm tính bền vững và nâng cao hiệu quả quản lý chương trình trong dài hạn.

Bảng 3.3.1. Cơ chế giám sát và cải tiến chương trình

Nội dung đánh giá	Đơn vị thực hiện	Tần suất
Đánh giá KPI chương trình	P.ĐN&HTDN	Hằng năm
Khảo sát sinh viên sau thực tập	P.ĐN&HTDN	Sau mỗi đợt
Đánh giá doanh nghiệp tiếp nhận	P.ĐN&HTDN + Khoa	Hằng năm
Rà soát quy trình	Ban Giám hiệu + các đơn vị liên quan	Hằng năm
Cập nhật cơ sở dữ liệu đối tác	P.ĐN&HTDN	Thường xuyên

Đề án kiến nghị nhà trường ưu tiên ban hành quy trình cấp trường và triển khai thí điểm trong một năm học; đồng thời xây dựng hệ thống dữ liệu quản lý, bộ tiêu chí đánh giá đối tác và cơ chế cải tiến liên tục. Các khoa chuyên môn cần gắn hoạt động thực tập quốc tế với chuẩn đầu ra đào tạo; doanh nghiệp Nhật Bản cần phối hợp phản hồi định kỳ và bảo đảm điều kiện thực tập; sinh viên cần chủ động nâng cao năng lực ngoại ngữ, chuyên môn và kỹ năng thích nghi trước khi tham gia chương trình.

Nhìn chung, các giải pháp ở Chương 3 hướng đến chuyển hoạt động thực tập tại Nhật Bản từ mô hình quản lý phân tán sang mô hình quản trị tích hợp theo quy trình, dữ liệu, trách nhiệm phối hợp và cải tiến liên tục, qua đó nâng cao chất lượng chương trình và bảo đảm quyền lợi của sinh viên trong bối cảnh quốc tế hóa giáo dục đại học.

KẾT LUẬN

Đề án nghiên cứu việc hoàn thiện quy trình tổ chức và quản lý sinh viên đi thực tập tại Nhật Bản ở Trường Đại học Đông Á trong bối cảnh nhà trường phát triển đào tạo ứng dụng và quốc tế hóa. Trên cơ sở hệ thống hóa lý luận về thực tập quốc tế, quản trị quy trình, quản trị rủi ro và cải tiến liên tục, đề án xây dựng khung phân tích để đánh giá thực trạng chương trình thực tập tại Nhật Bản.

Kết quả khảo sát cho thấy chương trình có những điểm tích cực về thủ tục hồ sơ, triển khai tiếp nhận và hiệu quả tổng thể; tuy nhiên vẫn còn tồn tại hạn chế về quản trị rủi ro, dữ liệu quản lý, chuẩn bị tiền xuất cảnh, cơ chế phối hợp và đánh giá sau thực tập.

Từ đó, đề án đề xuất các giải pháp trọng tâm gồm: chuẩn hóa quy trình theo PDCA; chuẩn hóa tuyển chọn và đào tạo tiền xuất cảnh; xây dựng hệ thống dữ liệu tập trung; hoàn thiện quản trị rủi ro, phối hợp bốn bên và cơ chế cải tiến liên tục.

Nhìn chung, các giải pháp của đề án hướng đến xây dựng mô hình quản trị chương trình thực tập tại Nhật Bản theo hướng chuẩn hóa, số hóa và cải tiến liên tục, góp phần nâng cao chất lượng chương trình và bảo đảm quyền lợi của sinh viên.